

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Công văn 1563/SGDDĐT-QLCLGD ngày 29/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục.

Trường THCS Gia Xuyên thực hiện công khai báo cáo thường niên các hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Trường: THCS Gia Xuyên, TP Hải Dương, Hải Dương

2. Địa chỉ: Thôn Tăng Hạ, xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Số Điện thoại: 02203.716.208

- Email: hd-thcsgiaxuyen@haiduong.edu.vn

- Website: <http://gl-thcsgiaxuyen.haiduong.edu.vn>

3. Loại hình trường: trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND TP Hải Dương

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Nhà trường xác định, trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế trí thức. Chính vì vậy, nhà trường xác định sứ mệnh của nhà trường là:

- Đào tạo những công dân phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có khát vọng vươn lên, có kỹ năng tốt, sẵn sàng hội nhập, đáp ứng với một thế giới luôn thay đổi.

Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB-GV-NV và học sinh.

Chính vì vậy, cùng với việc đổi mới nội dung; phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra - đánh giá; bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

4.2. Tầm nhìn

Tạo dựng được môi trường giáo dục thân thiện, kỷ cương, có chất lượng

giáo dục cao, phát huy tính tích cực sáng tạo và năng lực tư duy của mỗi học sinh. Xây dựng và khẳng định niềm tin đối với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và chính quyền địa phương bằng hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

4.3.Mục tiêu

- Đối với các thầy cô: Xây dựng trường học văn hóa, hạnh phúc để mỗi ngày đến trường là một niềm vui. Xây dựng hình ảnh nhà giáo mẫu mực, là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo. Biết khơi nguồn ước mơ và thắp sáng những tiềm năng

của học trò.

- Đối với học trò: Phân đầu cho mục đích học tập: “ Học để biết – học để làm – học để cùng chung sống – học để làm người”. Có phương pháp học tập: trải nghiệm, chủ động, sáng tạo. Biết đoàn kết, sống trách nhiệm, yêu thương.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Gia Xuyên, tiền thân là phân hiệu Gia Xuyên thuộc trường cấp 2 Tân Hưng, tách thành trường cấp 2 Gia Xuyên vào năm 1966; Năm 1976 - 1992 sáp nhập với trường cấp 1 thành trường PTCS Gia Xuyên; Năm 1992 được tách thành hai trường cấp 1 và cấp 2 Gia Xuyên. Từ năm 1994 đến nay, trường mang tên THCS Gia Xuyên. Trường có diện tích 7558m², thuộc địa bàn thôn Tàng Hạ, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Trường ngày càng mở rộng về quy mô số lớp, số HS.

Năm 2015 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Năm 2020 nhà trường tiếp tục được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

6. Thông tin người đại diện

- Họ tên: Nguyễn Ngọc Hà– Hiệu trưởng

- Địa chỉ: Xã Gia Xuyên, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Điện thoại: 0916168595

- Địa chỉ thư điện tử: hason980@gmail

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường THCS Gia Xuyên được thành lập năm 1966. Khuôn viên của nhà trường hiện tại là 7558 m2. Là trường hạng II (từ năm học 2024-2025), nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ Trường Trung học.

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-PGDĐT ngày 17/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Hải Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS Gia Xuyên nhiệm kì 2022-2027 gồm có 11 thành viên tham gia.

Chủ tịch Hội đồng trường là bà Nguyễn Ngọc Hà, bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường. Thư ký là bà Nguyễn Thị Phương.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Nguyễn Ngọc Hà	Hiệu trưởng	
2.	Hồ Thị Mai	Chủ tịch Công đoàn	
3.	Nguyễn Hữu Hải	Bí thư Đoàn TNCS HCM	
4.	Trần Thị Hương Nga	Tổng phụ trách Đội	
5.	Vũ Thị Thúy Nga	Tổ trưởng tổ KHTN	
6.	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng tổ KHXXH	
7.	Nguyễn Thị Phương	Giáo viên Ngữ văn	
8.	Vũ Thị Luyến	Tổ trưởng tổ Văn phòng	
9.	Nguyễn Xuân Biên	Phó chủ tịch UBND xã Gia Xuyên	
10.	Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban đại diện CMHS	
11.	Nguyễn Ngọc Hà	Hiệu trưởng	

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Bà Nguyễn Ngọc Hà Bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường THCS Gia Xuyên theo Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 01/3/2024, thời hạn 05 năm (từ ngày 05/3/2024 đến 04/3/2029)

Phó hiệu trưởng được UBND TP Hải Dương ra quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng, thời hạn 05 năm (từ ngày 02/7/2024 đến 01/7/2029)

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

* Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Theo QĐ số 219/QĐ-THCSGX ngày 10/10/2024 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS Gia Xuyên năm học 2024-2025 theo nguyên tắc:

- Hoạt động theo điều lệ trường phổ thông được quy định tại TT32/2020-TT-BGD Đt ngày 15/9/2024. Mọi hoạt động của nhà trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của nhà trường. Cán bộ, viên chức, nhân viên phải xử lý và giải quyết công việc đúng trình tự, thủ tục, phạm vi trách nhiệm được giao.

- Trong phân công công việc, người đứng đầu các đoàn thể phải chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Trong trường hợp người đứng đầu các đoàn thể giao công việc đó cho một người trong đoàn thể mình phụ trách thì người được giao công việc chịu trách nhiệm với người đứng đầu đoàn thể đó.

- Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động; thường xuyên đẩy mạnh việc đổi mới quản lý, xây dựng môi trường làm việc văn hoá, văn minh.

Trong quy chế quy định rõ:

- Tổ chức bộ máy của nhà trường
- Nhiệm vụ, quyền hạn của HT, PHT, các ban ngành đoàn thể trong nhà trường (Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Tổ chức công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh,

Ban đại diện cha mẹ học sinh, Các tổ công tác gồm tổ chuyên môn, TB-TV, tổ văn phòng), thư ký hội đồng nhà trường, Nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên, nhân viên bảo vệ, lao công và nhân viên khác

- Chế độ làm việc, hội họp, báo cáo.
- Quan hệ công tác, lề lối làm việc.

* Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của nhà trường.

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo qui định của Nhà nước.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

- Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, lớp học.

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm lãnh đạo.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1.	Nguyễn Ngọc Hà	Hiệu trưởng	0916168595	Hason980@gmail.com
2.	Nguyễn Thị Điệp	Phó HT	0353009525	nguyendiep1971@gmail.com

8. Các văn bản khác của nhà trường

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của nhà trường, qui chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường, các nghị quyết của hội đồng trường, qui chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên
- + Cán bộ quản lý: 02
- + Giáo viên: 29 (Biên chế: 29, 04 hợp đồng)

+ Nhân viên: 03

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

1.1. Cán bộ quản lý

TT	Chức vụ	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	1	1	0	0	1	0	0

1.2. Giáo viên

TT	Môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	ĐH	CD	Khác
1.	Toán	7	6	4	7	0	0	7	0	0
2.	Ngữ văn	7	7	6	7	0	0	7	0	0
3.	Tiếng Anh	4	4	3	4	0	0	4	0	0
4.	Vật lí	1	1	1	1	0	0	1	0	0
5.	Hóa học	1	1	1	1	0	0	1	0	0
6.	Sinh học	2	2	1	2	0	0	2	0	0
7.	Lịch sử	1	1	1	1	0	0	1	0	0
8.	Địa lý	1	1	1	1	0	0	1	0	0
9.	GDCD	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.	Công nghệ	1	1	1	1	0	0	1	0	0
11.	Thể dục	2	0	0	2	0	0	2	0	0
12.	Âm nhạc	1	1	1	1	0	0	1	0	0
13.	Mỹ thuật	1	1	0	1	0	0	1	0	0
14.	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0

1.3. Nhân viên

TT	Chức vụ	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Trên ĐH	ĐH	CD	Khác
1.	Kế toán	1	1	0	1	0	0	1	0	0
2.	Văn thư	1	1	1	1	0	0	1	0	0
3.	Thư viện	1	1	0	1	0	0	1	0	0
4.	Bảo vệ	1	0	0	0	1	0	0	0	0

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Cán bộ quản lý: 02; Đạt trên chuẩn 01 - Tỉ lệ 50%

- Giáo viên: 29; Đạt chuẩn 29/29 tỉ lệ 100%;

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng

- Cán bộ quản lý: 02, đạt bồi dưỡng 100%

- Giáo viên: 29, đạt bồi dưỡng 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất, diện trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo qui định.

- Diện tích: 7558 m2

- Điểm trường: 01

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 10.6m2

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi; thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	18	
2	Phòng tin học		
3	Kho thiết bị	1	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng bộ môn Tiếng Anh	1	
6	Phòng bộ môn KHTN 1	1	
7	Phòng bộ môn KHTN 2	1	
8	Phòng bộ môn Công nghệ	1	
9	Phòng bộ môn Âm nhạc	1	Lồng ghép
10	Phòng bộ môn KHXH	1	Lồng ghép
11	Phòng bộ môn Mĩ thuật	1	Lồng ghép
12	Phòng Ban giám hiệu	2	
13	Phòng hội đồng	1	
14	Phòng y tế	1	
15	Phòng Đoàn – Đội	1	
16	Phòng bảo vệ	1	
17	Nhà đa năng	0	
18	Phòng đa năng	1	
19	Sân thể thao	1	
20	Nhà xe học sinh	2	
21	Nhà xe giáo viên	2	
22	Số máy tính	60	
23	Số máy tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	5	
24	Ti vi dùng cho học tập	1	P. âm nhạc
25	Camera	34	

3. Số thiết bị dạy học hiện có. Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo qui định

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại nhà trường có 5 máy phục vụ hành chính, 21 máy

tính phòng tin học. Hệ thống Internet được kết nối phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường có các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được quan tâm có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Môn	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1.	Toán	Kết nối tri thức Cánh điều	Kết nối tri thức Cánh điều	Kết nối tri thức Cánh điều	Kết nối tri thức Cánh điều
2.	Ngữ văn	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều
3.	Tiếng Anh	Global Success	Global Success	Global Success	Global Success
4.	KHTN	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
5.	LS&DL	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
6.	Công nghệ	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều
7.	Tin học	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
8.	GDCCD	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều
9.	Mỹ thuật-MT	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
10.	Âm nhạc-ÂN	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
11.	HDTN&HN	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
12.	GDTC	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều	Cánh điều



Sách giáo khoa, sách tham khảo đủ phục vụ cho hoạt động dạy và học. Tính đến đầu năm học 2024-2025, số sách giáo khoa tại thư viện trường có 800 quyển. sách nghiệp vụ có 1088, sách tham khảo về giảng dạy 3027 quyển.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

1.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

Năm 2015 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Năm 2020 nhà trường tiếp tục được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 theo quyết định số 1024/QĐ-SGD&ĐT ngày 27/8/2020 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 01/9/2020.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X		
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Tổng hợp kết quả:

- Số tiêu chí đạt mức 1: 27/28 tỉ lệ 96.4%
 - Số tiêu chí đạt mức 2: 26/28 tỉ lệ 92,8%
 - Số tiêu chí đạt mức 3: 16/20 tỉ lệ 80%
- Đánh giá tiêu chí mức 4: Chưa có tiêu chí đạt mức 4

Kết luận: Trường không đạt công nhận lại trường chuẩn quốc gia
1.2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

***Kế hoạch:**

- Dẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động
 - Tăng cường vai trò lãnh đạo, kiện toàn công tác tổ chức, kiểm tra việc thực hiện xây dựng trường chuẩn quốc gia
 - Nâng cao nhận thức và trình độ đội ngũ, sử dụng đội ngũ hợp lý, phấn đấu 100% GV xếp loại đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên
 - Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục
 - Cải tạo cơ sở vật chất của nhà trường, đảm bảo tăng thêm 02 phòng bộ môn nữa đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia quy định tại TT13-BGD
- Thực hiện tốt công tác tham mưu và xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng CSVC nhà trường.

***Tổ chức thực hiện**

- Đối với nhà trường:
 - + Lập kế hoạch, hàng năm có rà soát những tiêu chí đã phấn đấu đạt được, báo cáo với Phòng Giáo dục – Đào tạo để xin ý kiến chỉ đạo và hướng đi tới.
 - + Chi đạo bộ phận chuyên môn, đoàn thể đổi mới các hoạt động để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.
 - + Tích cực tham mưu với các cấp trong việc đầu tư xây dựng CSVC theo thông tư 13/TT-BGDĐT. Cải tạo phòng truyền thống thành phòng bộ môn Công nghệ, xây dựng nhà đa năng, phòng học bộ môn còn thiếu.
 - + Phấn đấu đạt thư viện trường học chuẩn giai đoạn 2025-2030.
 - + Cải tạo sửa chữa CSVC để có tới thiếu 08 phòng học bộ môn trong năm học 2024-2025.
 - Đối với tổ trưởng chuyên môn
 - + Đề xuất các hoạt động để nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ bộ môn, chỉ tiêu phấn đấu để duy trì, nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia của nhà trường.
 - + Có trách nhiệm quản triệt, tuyên truyền, động viên tổ viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
 - Đối với giáo viên
 - + Nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng vì học sinh thân yêu cùng với nhà trường vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - + Tích cực tự học tập, tự bồi dưỡng, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng bộ môn đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của trường chuẩn. Phấn đấu 100% xếp loại đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên.
- 2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua mốc thời gian kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.**
- Năm 2020 nhà trường tiếp tục được công nhận đạt kiểm định chất lượng

giáo dục Cấp độ 3 theo quyết định số 1024/QĐ-SGD&ĐT ngày 27/8/2020 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 01/9/2020.

V.KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

1.1. Kế hoạch tuyển sinh

- Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh:

+ Chi tiêu: Năm học 2024 - 2025 nhà trường tuyển sinh 05 lớp 6 với 200 HS

+ Địa bàn tuyển sinh: Tuyển sinh học sinh có hộ khẩu tại xã Gia Xuyên

- Đối tượng và phương thức tuyển sinh

+Đối tượng: học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học, đúng độ tuổi quy định là 11 tuổi.

+Phương thức tuyển: Xét tuyển

-Hồ sơ tuyển gồm:

+ Đơn (Do nhà trường cấp)

+ Học bạ Tiểu học (bản chính)

+ Bản sao giấy khai sinh đã qua công chứng (kèm theo giấy khai sinh chính để đối chiếu)

+ Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học.(bản chính)

+Giấy tờ khác (Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo, con thương binh, con liệt sĩ, học sinh khuyết tật....)

-Thời gian tuyển: Tuyển sinh từ ngày 10-13/6/2024

Sáng 7h30' -11h; Chiều 14h-16h30'

1.2. Kế hoạch giáo dục nhà trường: số 212/KH-THCSGX ngày

10/10/2024 được Phòng Giáo dục Đào tạo thành phố Hải Dương phê duyệt.

a. Đặc điểm về quy mô trường lớp, CBGVNV và HS

- Số lớp, số học sinh

Năm học 2024-2025, tổng số HS toàn trường là 709 HS - 18 lớp (Tăng 50

HS-01 lớp so với năm học 2023-2024)

TT	Khối	Số lớp	Số HS	Số HSKT	Lớp có HSKT
1	Khối 6	5	208	03	6C:01; 6D:01; 6E:01
2	Khối 7	5	184	01	7D
3	Khối 8	4	168		
4	Khối 9	4	149		
TỔNG			709	04	

- Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

-Tổng số: 34 CB, GV; trong đó: QL: 02; GV: 29; NV: 03

- Biên chế: 34; Hợp đồng: 04 môn Tin, Lý, Địa, GD DP (Do tăng lớp và có

GV nghỉ thai sản)

(Năm học 2024-2025 tăng 01 lớp nên trường thiếu 02 GV, chưa được giao

bổ sung biên chế)

- Về trình độ: CBGV đạt chuẩn 100%, trên chuẩn đạt 1/34 = 2,9%.
- Cơ cấu giáo viên chưa thực sự hợp lý, thiếu GV môn Địa, Lý, Tin

- Cơ sở vật chất

- Số phòng học 18; trong tháng 8/9/2024 nhà trường đã cải tạo, sửa chữa để có 08 phòng bộ môn (gồm: 02 KHTN, 01 KHXH, 01 MT, 01 Ân, 01 Công nghệ, 01 Ngoại ngữ, 01 phòng) và 01 phòng đa năng. Có 03 phòng bộ môn (KHXH, MT, Ân) lồng ghép với phòng học.

- Tích cực, chủ động tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm triển khai ứng dụng CNTT; sửa chữa, cải tạo phòng học, ... xây dựng cảnh quan môi trường sư phạm đạt tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp; tích cực tăng cường cơ sở vật chất cho thư viện trường học, củng cố trang thiết bị, bổ sung sách, tài liệu; tăng cường hoạt động thư viện phục vụ cho công tác dạy và học ...

- Cơ sở vật chất ở của trường đã và đang xuống cấp; trang thiết bị dạy học cũ, chưa được cung cấp thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018, trường chưa có nhà đa năng nên không đáp ứng được yêu cầu công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2.

b. Chủ đề năm học 2024-2025: “Kỳ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng”

c. Một số chỉ tiêu

*** Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục, xét công nhận TN THCS**

- Xếp loại 2 mặt giáo dục

Rèn luyện: Tốt 591 (83.36%); Khá: 113(15.94%); Đạt 5 (0,71%);

Học lực: Tốt 176 (24.82%); Khá: 349 (49.22%); Đạt 180 (25.39%); CB: 4

(0.56%)

- Kết quả xét TN THCS: 98,65% (147/149 HS)

*** Kết quả các cuộc thi**

+ Học sinh

- Thi HSG 8 môn văn hóa: 02 HSG TP, 01 HSG cấp Tỉnh

- Học sinh tham gia thi KHKT cấp tỉnh

- Thi vào lớp 10 THPT: xếp thứ 8/25 TP, 40/252 tỉnh. Điểm trung bình thi

TSTHPT 24,5 (Tổng điểm/tổng số HS dự thi), trong đó Toán 5,0; Văn 5,0; Môn

thứ ba: 4,5.

- Thi cờ vua: có 02 giải cấp TP; 01 giải cấp Tỉnh

- Thi Điền kinh: có 02 giải cấp TP; 01 giải cấp Tỉnh

- Tham gia tất cả các cuộc thi như tiếng Anh, Toán qua Internet và các cuộc

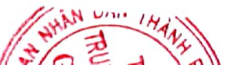
thi giao lưu, phần đấu đạt giải cao.

+ Giáo viên: 02 GVG cấp TP, 01 GVG cấp Tỉnh

*** Danh hiệu đăng ký thi đua và khen thưởng nhà trường**

+ Tập thể

- Chi bộ: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.



- Nhà trường: Tập thể đồng Tiến tiến
- Công đoàn: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ
- Đoàn - Đội: giấy khen của Thành Đoàn là Đơn vị dẫn đầu trong công tác Đội và Phong trào thiếu nhi trường học.
- 100% tập thể lớp đăng kí thi đua, phần đầu 9 tập thể lớp TTXS + Cá nhân:

- 100% CBGVNV đăng kí thi đua; phần đầu 100% đạt LDTT trở lên, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không quá 20% (06 CBGVNV)

- 9/13 đ/c đăng đạt danh hiệu CSTĐ và GK của TP (Phượng, Phương, Chang, Lan, Huệ, Linh, N.Hà, Bén, Thu, Lụa, H.Nga, Q.Quý, Diệp)

***Một số chi tiêu khác:**

- Nhiệm vụ đột phá trong năm học " Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học".
- Xây dựng mô hình trường học "Xanh- Sạch- Đẹp-An toàn-thân thiện"
- Thư viện: Giữ vững Tiên tiến.
- Phở cập giáo dục năm 2024: xếp loại tốt, mức độ 3.
- 15 giáo viên viết và áp dụng sáng kiến, có 7 sáng kiến được xếp loại cấp thành phố.

- Tổ chức 04 chuyên đề, trong đó 01 chuyên đề cấp thành phố (tổ KHXH), 01 chuyên đề cấp cụm (tổ KHTN), 04 nội dung NCBH.

- Công nhận trường chuẩn lại mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

1.3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc giáo dục học sinh.

Thực hiện theo Kế hoạch số 223A/KH-THCSGX ngày 10/10/2024 kế hoạch phối hợp nhà trường với các tổ chức trong và ngoài nhà trường năm học 2024-2025 với mục đích:

- Phát huy được sức mạnh của cộng đồng xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục, cùng chung tay góp sức với nhà trường xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.
 - Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, ngăn chặn kịp thời bạo lực, tệ nạn xã hội, xây dựng trường học xanh – sạch – đẹp – an toàn – thân thiện.
 - Huy động hết trẻ em trên địa bàn hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS. Duy trì sĩ số học sinh trong suốt năm học và không có học sinh bỏ học trong hè.
 - Giữ vững kết quả của PC của năm trước.
 - Góp phần xây dựng thôn, làng văn hoá bền vững.
- Nhà trường cần làm tốt công tác phối hợp:
- Phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức trong nhà trường: Công đoàn cơ sở, Đoàn đội, giữa giáo viên chủ nhiệm với ban giám hiệu.
 - Phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương:

Đảng ủy và UBND xã; Mặt trận Tổ quốc xã, Trạm Y tế, Công an xã, các doanh nghiệp trên địa bàn và cựu học sinh; Hội Cha mẹ học sinh.

1.4. Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2023-2024

- Công tác tuyển sinh năm học 2023-2024: Tuyển sinh 187 đạt 100%.
- Phát triển mạng lưới trường, lớp. Năm học 2023-2024, tổng số HS toàn trường đầu năm là 662, gồm 17 lớp. Đến cuối năm học còn 660 HS (1 HS chết vì mắc bệnh hiểm nghèo, 2 HS chuyển đi, 1 em chuyển đến). Đến hết năm học còn 659 HS (1 HS nghỉ học do bị tai nạn).

+ Tổng số lớp: 17

+ Tổng số học sinh 659. Cụ thể:

Khối 6: 186 HS (78 nữ)

Khối 8: 150 HS (66 nữ)

Khối 7: 165 HS (74 nữ)

Khối 9: 157 HS (75 nữ)

* Kết quả hai mặt giáo dục:

4.1. Chất lượng đại trà

* **Khối 6, 7, 8 (502 HS)**

Học tập				Rèn luyện											
Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
122	24,3	251	50	128	25,5	1	0,2	431	85,86	69	13,74	1	0,2	1	0,2

* **Khối 9 (157 HS)**

Học lực						Hạnh Kiểm											
Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
53	33,76	66	42,04	38	24,2	0	0	0	0	14	91,08	14	8,92	0	0	0	0

Tổng số học sinh K6-8: 502

Số học sinh được lên lớp thẳng: 501/502=99.8%

Số học sinh lưu ban: 1/502=0.2%

* Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp, số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Xét tốt nghiệp: có 157/157 em. Đạt 100%. Trong đó:

+ Loại giỏi: 53 HS

+ Loại khá: 66 HS

+ Loại trung bình: 38 HS

- Học sinh trúng tuyển vào THPT năm học 2023-2024: 78/97 đạt tỉ lệ 80.4%

- Kết quả thi vào THPT năm học 2024-2025: XT 9/25 TP, XT 43/251 Tỉnh.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng

học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài)

Không thực hiện.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liên kế thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật, trong đó cơ cấu các khoản thu - chi hoạt động như sau:

a. Các khoản thu phân theo: (Nguồn kinh phí, ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2023.

Nội dung	Số tiền	Quyết định giao dự toán
I. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên:		
Dự toán giao đầu năm	4.392.835.000	Quyết định giao dự toán số 6368/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
Cấp bổ sung kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho HS và nhân viên HĐ kì II năm học 2022-2023	13.860.000	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 08/05/2023
Cấp bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ dạy thừa giờ cho giáo viên kì II năm học 2022-2023	19.800.000	Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 31/10/2023
Giảm kinh phí biên chế do nghỉ hưu, chuyển đi và nghỉ việc so với biên chế chuyển đến năm 2023	-111.458.000	Quyết định số 3796a/QĐ-UBND ngày 15/11/2023
Cấp bổ sung kinh phí chênh lệch mức thu học phí năm học 22-23 so với năm học 21-22	82.620.000	Quyết định số 4049/QĐ-UBND ngày 28/11/2023
Cấp bổ sung kinh phí tăng lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu năm 2023	1.607.000	Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 28/11/2023
Cấp bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền công giáo viên, nhân viên hợp đồng, phụ cấp ngành, biên chế tuyển mới, giáo viên dạy thừa giờ khởi THCS học kì I năm học 2023-2024	74.608.000	Quyết định số 4911/QĐ-UBND ngày 27/12/2023

II. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên:

Cấp bổ sung kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho HS và nhân viên HD kì II năm học 2022-2023	12.375.000	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 08/05/2023
Cấp bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ dạy trẻ khuyết tật cho giáo viên năm học 21-22 và 22-23	129.629.000	Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 02/11/2023
Cấp bổ sung kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho HS năm học 2023-2024	8.190.000	Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 02/11/2023
Cấp bổ sung kinh phí kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo ND 143/2020/ND-CP	165.242.000	Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
Cộng nguồn ngân sách nhà nước cấp	4.789.308.000	

- Khoản thu theo quy định

TT	Nguồn quỹ	Mức thu 1HS/tháng	Tổng thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Học phí/tháng	85.000	472.175.000	CV số 1569/SGDDT-KHTC ngày 08/09/2023
2	Tiền gửi xe đạp/tháng	10.000	45.660.000	QĐ số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/03/2018
3	Tiền BHYT/năm	680.400	440.254.576	KH số 265/KH-UBND ngày 14/08/2023
Cộng nguồn thu theo quy định			958.089.576	

- Thu các khoản thu hoà thuận

TT	Nguồn quỹ	Mức thu 1HS/tháng (buổi)	Tổng thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Học thêm	21.000	1.409.039.500	NQ 08/2022/NQ-HBND ngày 08/12/2022
2	Tiền nước uống tinh khét	7.000	41.608.000	NQ 08/2022/NQ-HBND ngày 08/12/2022
3	Tiền lao công vệ sinh	15.000	89.160.000	NQ 08/2022/NQ-HBND ngày 08/12/2022
Cộng nguồn thu theo quy định			1.539.807.500	

- Thu các khoản thu tự nguyện

TT	Nguồn quỹ	Mức thu 1HS/năm	Tổng thu	Công văn hướng dẫn thu
1	Bảo hiểm thân thể	150.000	94.650.000	
Cộng nguồn thu theo quy định			94.650.000	

b. Các khoản chi phân theo:
 Chi tiền lương và thu nhập (lương phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên). Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho các hoạt động giáo dục, đào tạo. Chi hỗ trợ người học, hỗ trợ các hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng, chi khác.

TT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền
1.	<u>Ngân sách cấp năm 2023</u>			
1.1.	Kinh phí thường xuyên			4.473.872.000
		Chi lương, các khoản đóng góp theo lương		3.994.132.301
		Chi tiền công		119.245.000
		Chi nghiệp vụ chuyên môn		83.894.000
		Chi mua sắm, sửa chữa		124.367.427
		Chi khác		152.233.272
1.2.	Kinh phí không thường xuyên			315.436.000
		Chi thanh toán cá nhân		309.061.000
		Chi mua sắm, sửa chữa		6.375.000
2.	<u>Học phí năm học 2023-2024</u>			<u>694.657.207</u>
		Chi lương, các khoản đóng góp theo lương, cải cách tiền lương		532.706.984
		Chi nghiệp vụ chuyên môn		104.038.820
		Chi dịch vụ công cộng		24.659.241
		Chi mua sắm, sửa chữa		11.190.000
		Chi khác		22.062.162
3.	Học thêm năm học 2023-2024			1.397.734.438
		Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		28.160.790
		Chi công giáo viên trực tiếp giảng dạy		1.103.902.968
		Chi công tác quản lý		206.981.805
		Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất		34.415.000
		Chi khác		24.273.875
4.	Nước uống năm học 2023-2024			42.602.800

	Trả về nhà cung cấp theo hợp đồng kí kết		42.602.800
5.	Trông xe năm học 2023-2024		31.619.500
	Chi trả nhân công trông xe		4.570.000
	Chi nộp thuế 5% thuế GTGT và 5% thuế TNDN		27.000.000
	Phí chuyển tiền		49.500

2. Các khoản thu và mức thu năm học 2024-2025 đối với học sinh gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học trước khi tuyển sinh, dự tuyển

TT	Nội dung	Mức thu/1 hs	Công văn hướng dẫn
Các khoản thu theo quy định			
1	Học phí/năm học	85.000 đồng/tháng x 9 tháng = 765.000 đồng	NQ 08/2022/NQ- HDND/12/2022
2	Bảo hiểm y tế	73.710 đồng/tháng x 12 tháng = 884.520 đồng/năm	KH số 132/KH-UBND ngày 15/08/2024
3	Trông xe đáp/năm học	10.000 đồng/ tháng x 9 tháng = 90.000 đồng	QĐ số 04/2018/QĐ- UBND ngày 27/03/2018
4	Học thêm	7.000 đồng/tiết (21.000 đ/buổi 3 tiết)	NQ 08/2022/NQ- HDND/12/2022
Các khoản thu theo thỏa thuận			
1	Nước uống	7.000 đồng/tháng x 9 tháng = 63.000 đồng	NQ 08/2022/NQ- HDND/12/2022
2	Tiền lao công vệ sinh	15.000 đồng/tháng x 9 tháng = 135.000 đồng	NQ 08/2022/NQ- HDND/12/2022

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học.

- Chế độ miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập thực hiện nghị quyết số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo năm học 2023-2024.

Nội dung	Số học sinh	Số tiền (VND)	Ghi chú
Đối tượng được miễn giảm học phí			
Học kỳ I năm học 23-24	19	4.590.000	
Học kỳ II năm học 23-24	20	6.152.500	

Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập		
Học kỳ I năm học 23-24	6	3.600.000
Học kỳ II năm học 23-24	7	5.250.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù

Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023.

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Ghi chú
1	Quỹ tiền mặt	0	
2	Tiền gửi học phí tại kho bạc	309.597.058	
3	Tiền gửi khác tại kho bạc	1.481.419	
4	Tiền gửi ngân hàng	298.649.615	
Tổng		609.728.092	

* Nhà trường huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Nhà trường thực hiện đúng quy định và hiệu quả các nhiệm vụ khác như:

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội;
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật./.

Trên đây là báo cáo thường niên công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường THCS Gia Xuyên. Báo cáo này được đăng tải trên website của nhà trường (<http://gl-thcsgiaxuyen.haiduong.edu.vn>) từ 17/10/2024, thời hạn 05 năm, đến hết 16/10/2029.

Nơi nhận:

- Website nhà trường,
- Lưu: Hồ sơ công khai,
- Lưu: VT.

